

VIỆN TRỢ NƯỚC NGOÀI CHO LĨNH VỰC Y TẾ Ở CÁC TỈNH YÊN BÁI, THANH HÓA VÀ PHÚ YÊN GIAI ĐOẠN 2007 - 2010

NGUYỄN MẠNH CƯỜNG, PHẠM THỊ CHÍNH
Vụ Hợp tác quốc tế Bộ Y tế
NGUYỄN ĐĂNG VŨNG - Trường Đại học Y Hà Nội

TÓM TẮT

Trong giai đoạn 2007 – 2010, tại các tỉnh Yên Bái, Thanh Hóa và Phú Yên có 31 dự án y tế do nước ngoài tài trợ đang được triển khai thực hiện. 07 lĩnh vực chính được tài trợ gồm: Hỗ trợ hệ thống y tế, Phòng chống HIV/AIDS, Sức khỏe bà mẹ trẻ em, Phòng, chống bệnh về mắt, Y tế dự phòng, Hỗ trợ cơ sở hạ tầng y tế và Khám, chữa bệnh. Hỗ trợ tài chính thông qua các dự án viện trợ nước ngoài (VTNN) trong giai đoạn này ước tính 316 508,2 triệu đồng, chiếm một phần đáng kể trong tổng chi cho y tế tại địa phương. Hoạt động của các dự án bao gồm cả hỗ trợ kinh phí, thiết bị y tế, đào tạo cán bộ, giáo dục truyền thông phòng bệnh.

ĐẶT VẤN ĐỀ

Thông qua hợp tác song phương với các nước, ngành y tế nhận được các dự án hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) trong nhiều lĩnh vực như xây dựng, trang bị cho các cơ sở y tế, đào tạo cán bộ, phòng chống bệnh lây nhiễm và không lây nhiễm, cải thiện chất lượng dịch vụ y tế... Bên cạnh đó, còn có hơn 600 tổ chức Phi Chính phủ nước ngoài (PCPNN) hoạt động tại Việt Nam với tổng kinh phí tài trợ hơn 200 triệu USD/năm, trong đó có hơn 50% các tổ chức hỗ trợ lĩnh vực y tế.

Chính phủ và Bộ Y tế đã có những chính sách khuyến khích, hỗ trợ các tổ chức nước ngoài hoạt động trong lĩnh vực y tế tại Việt Nam như ban hành Nghị định số 131/2006/NĐ-CP ngày 9/11/2006 của Chính phủ về Quản lý và sử dụng nguồn hỗ trợ phát triển chính thức; Nghị định số 93/2009/NĐ-CP ngày 22/10/2009 của Chính phủ Ban hành Quy chế Quản lý và Sử dụng viện trợ Phi Chính phủ nước ngoài; Quyết định số 286/2006/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, về việc ban hành Chương trình Quốc gia xúc tiến vận động viện trợ Phi chính phủ nước ngoài giai đoạn 2006 – 2010...

Viện trợ nước ngoài dành cho y tế địa phương được thu hút, điều phối và quản lý thông qua nhiều kênh tài trợ như Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Ủy ban Công tác về các tổ chức PCPNN – Ban điều phối viện trợ nhân dân PACCOM, Bộ Y tế và đầu tư trực tiếp tại địa phương. Vụ Hợp tác quốc tế là cơ quan tổng hợp của Bộ Y tế có nhiệm vụ kêu gọi và vận động viện trợ, đầu tư nước

ngoài cho ngành y tế, do đó, việc có đầy đủ thông tin về các dự án nước ngoài đầu tư cho y tế địa phương là có ích và cần thiết. Bộ Y tế - Chương trình hợp tác y tế Việt Nam – Thụy Điển đã thực hiện *Thống kê các chương trình/dự án triển khai trong ngành y tế giai đoạn 2001 – 2005*. Tuy nhiên việc báo cáo viện trợ nước ngoài dành cho y tế các địa phương đến Bộ Y tế hàng năm vẫn chưa được triển khai định kỳ và đầy đủ.

Yên Bái, Thanh Hóa và Phú Yên là 03 tỉnh đại diện miền Bắc, Trung và Nam Bộ, được Bộ Y tế lựa chọn tiếp nhận dự án Hỗ trợ kỹ thuật hệ thống y tế tuyến tỉnh do Cơ quan hợp tác kỹ thuật Đức (GIZ) tài trợ. Nhân dịp này, Vụ Hợp tác quốc tế thực hiện đề tài nghiên cứu cấp cơ sở: Tình hình viện trợ nước ngoài cho lĩnh vực y tế ở các tỉnh Yên Bái, Thanh Hóa và Phú Yên trong giai đoạn 2007 – 2010.

ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP

Đối tượng nghiên cứu:

- Các tài liệu về hợp tác quốc tế trong lĩnh vực y tế, các chương trình/dự án viện trợ nước ngoài (VTNN) cho lĩnh vực y tế nói chung và y tế 03 tỉnh.

- Lãnh đạo, chuyên viên cơ quan quản lý nhà nước về các dự án do nước ngoài tài trợ cho lĩnh vực y tế tại các tỉnh

Phương pháp nghiên cứu

- Nghiên cứu bàn giấy: Thu thập, phân tích số liệu từ các văn bản về tác quốc tế do Chính phủ và Bộ Y tế ban hành; Các báo cáo, số liệu sẵn có về tình hình viện trợ ODA và PCPNN tại các đơn vị thuộc Bộ Y tế; Các báo cáo, số liệu sẵn có về tình hình viện trợ PCPNN tại các địa phương từ Ban Điều phối Viện trợ nhân dân (PACCOM); Báo cáo của các Sở Y tế về các dự án nước ngoài viện trợ tại địa phương; các mẫu báo cáo định kỳ về tình hình thực hiện các dự án tại địa phương

- Nghiên cứu thực địa: Thu thập thông tin về các dự án VTNN tại địa phương giai đoạn 2007 – 2010 theo mẫu, các mẫu báo cáo định kỳ của địa phương về thời gian thực hiện dự án, các lĩnh vực, số vốn cam kết, các nhà tài trợ.

KẾT QUẢ

Tình hình VTNN về y tế tại 03 tỉnh được tổng hợp theo lĩnh vực tài trợ, tên dự án, nhà tài trợ, địa bàn tài trợ và kinh phí đầu tư.

Bảng 1. Dự án VTNN tại 03 tỉnh. Đơn vị triệu VND, 1USD – 21 000 VND, 1Euro – 30 500 VND - (4/2011)

Lĩnh vực	Tên dự án	Nhà Tài trợ	Tỉnh	K. phí
Hỗ trợ hệ thống y tế	Hỗ trợ kỹ thuật tăng cường hệ thống y tế tuyến tỉnh	GiZ Đức	TH, YB, PY	50 935
	Hỗ trợ phát triển hội y tế thôn bản	UBYT Hà Lan	PY	343,4
	Chương trình phát triển sức khỏe cộng đồng	UBYT Hà Lan	PY	1 321,9
Hỗ trợ cơ sở hạ tầng, trang thiết bị	Dự án xây dựng bệnh viện mắt	FHF, úc	PY	10 395,0
	Dự án thiết bị y tế	Phần Lan	TH	45 000,0
	Nâng cấp TTB cho BVĐK Nghĩa Lộ, Văn Chấn, Văn Yên, Lục Yên	KfW	YB	91 500,0
Phòng, chống HIV/AIDS	Phòng, chống HIV/AIDS ở Việt Nam	WB	TH, YB	28 404,0 1 387,2
	Phòng lây nhiễm HIV/AIDS ở Việt Nam	Anh, Nauy, WB	TH	7 382,0
	Dự phòng chăm sóc HIV/AIDS tại Việt Nam	LIFE GAP	TH	5 014,0
	Tăng cường chăm sóc, tư vấn, hỗ trợ người nhiễm HIV/AIDS và các hoạt động phòng, chống HIV/AIDS dựa vào cộng đồng	Qũy Toàn cầu	TH	6 848,0
	Can thiệp giảm tác hại cho người nghiện chích ma túy và cải thiện chất lượng cuộc sống cho người có HIV ở Việt Nam	MBI Australia và FHI Hoa Kỳ	TH	30,0
Sức khỏe bà mẹ trẻ em	Chăm sóc, cứu sống trẻ sơ sinh	Qũy cứu trợ Nhi đồng Mỹ	TH	2 733,0
	Hỗ trợ thực hành dinh dưỡng cho bà mẹ trẻ em	Tâm nhìn Thế giới Hoa Kỳ	TH	9 895,0
	Dự án cải thiện dinh dưỡng và phát triển	Alive and Thrive, Hoa Kỳ	TH	199,0
	Cải thiện dinh dưỡng trẻ em thông qua thay đổi hành vi chăm sóc trẻ tốt hơn tại vùng núi phía Bắc	Save the Children Nhật Bản	YB	889,3
	Phòng, chống suy dinh dưỡng	UBYT Hà Lan	PY	324,2
	Tăng cường tính sẵn có của BCS, quản lý và điều trị STIs	WHO	TH	233,0
	Thúc đẩy cung cấp và sử dụng các biện pháp tránh thai lâu dài và vĩnh viễn, hiệu quả đối với cộng đồng	Marie Stopes In'l Hoa Kỳ	PY	360,4
Phòng chống bệnh về mắt	Chăm sóc mắt toàn diện	CBM Đức	TH	771,0
	Phòng, chống bệnh mắt hột	MSA/VLC Anh	TH	1 744,0
	Chăm sóc mắt toàn diện	FHF, úc	PY	3 937,5
	Nâng cao chất lượng dịch vụ chăm sóc mắt	Orbis Hoa Kỳ	YB	7 868,1
Y tế dự phòng	Hỗ trợ phát triển hệ thống y tế dự phòng	ADB	TH, YB	3 833,0 5 483,0
	Phòng, chống sốt rét	Qũy Toàn cầu	TH	5 957,0
	Vệ sinh môi trường	CODESPA – Tây Ban Nha	YB	1 751,5
Khám, chữa bệnh	Phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng – Phát hiện sớm, can thiệp sớm	UBYT Hà Lan	PY	585,7
	Nâng cao chất lượng công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu	Anesvad Tây Ban Nha	TH	21 383,0
Tổng				316 508,1

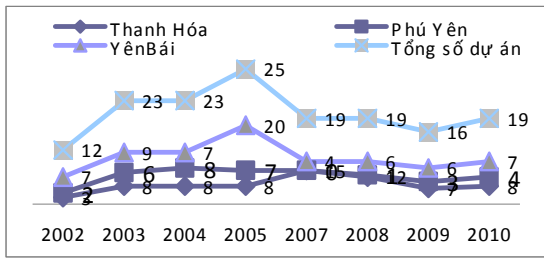
Trong giai đoạn 2007 – 2010, có tất cả 31 dự án do nước ngoài tài trợ cho ngành y tế tại 03 tỉnh Yên Bái, Thanh Hóa và Phú Yên đang được triển khai. Tỉnh Yên Bái có 7 dự án, Thanh Hóa 16 dự án và Phú Yên 8 dự án. Trung bình hàng năm ở cả 3 tỉnh, các dự án VTNN là 18 dự án. Số dự án VTNN khá đồng đều hàng năm từ 2007 – 2010 tương ứng là 19, 19, 16, và 19 dự án.

Bảng 2: Các dự án VTNN tại 3 tỉnh giai đoạn 2002 – 2010

Tỉnh	2002(*)	2003(*)	2004(*)	2005(*)	2007	2008	2009	2010
Thanh Hóa	3	8	8	8	15	12	7	8
Phú Yên	2	6	8	7	0	1	3	4
Yên Bái	7	9	7	20	4	6	6	7
Tổng	12	23	23	35	19	19	16	19

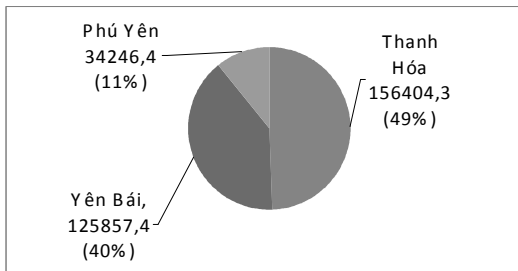
(*) Thống kê các chương trình dự án triển khai trong ngành y tế (2001–2005) Chương trình Hợp tác y tế Việt Nam – Thụy Điển, Bộ Y tế

Việc tham khảo *Thống kê các chương trình dự án triển khai trong ngành y tế giai đoạn 2001 – 2005 của Chương trình Hợp tác y tế Việt Nam – Thụy Điển*, cho thấy xu hướng tài trợ cho các dự án y tế tại 3 tỉnh trong giai đoạn từ 2002 – 2010, trừ năm 2006 không có số liệu.



Biểu đồ 1. Xu hướng VTNN theo dự án tại 03 tỉnh giai đoạn 2002 - 2010

Nhìn chung, các dự án VTNN ở 3 tỉnh có xu hướng tăng lên trong giai đoạn 2002 - 2010 (tăng 42%). Giai đoạn 2003 - 2005, số các dự án VTNN tăng rất cao, gấp đôi số lượng dự án trong năm 2002 (25 dự án). So với giai đoạn 2003 - 2005 thì ở giai đoạn 2007 - 2010, số các dự án VTNN đã giảm xuống ở mức 16 - 19 dự án, trong đó có 03 dự án lớn do Bộ Y tế làm chủ, có độ bao phủ từ 2 tỉnh trở lên: - Dự án Hỗ trợ kỹ thuật hệ thống y tế tuyến tỉnh do GiZ tài trợ thực hiện tại 3 tỉnh; - Dự án Phòng, chống HIV/AIDS ở Việt Nam do WB tài trợ và Dự án Hỗ trợ phát triển hệ thống y tế dự phòng do ADB tài trợ, đều thực tại Yên Bái và Thanh Hóa



Biểu đồ 2. Viện trợ nước ngoài cho lĩnh vực y tế tại 03 tỉnh

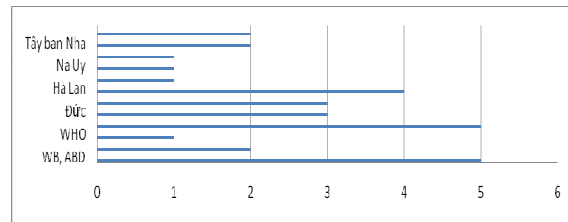
Các dự án VTNN giai đoạn 2007 - 2010 đã thu hút được 316 508,1 triệu đồng, xấp xỉ bằng tổng chi ngân sách cho y tế địa phương năm 2007 ở Yên Bái, tương đương 34% tổng số chi ngân sách địa phương năm 2007 ở các tỉnh Thanh Hóa và Phú Yên.

Bảng 3. So sánh ngân sách y tế địa phương và VTNN

Tỉnh	Ước tính tổng số chi ngân sách y tế địa phương (*) (đơn vị triệu VND)				VTNN cho lĩnh vực y tế 2007 - 2010
	2007	2008	2009	2010	
Yên Bái	129 123	134 358	160 424	Chưa có số liệu	125 857,4
Thanh Hóa	463 886	513 303	584 710	Chưa có số liệu	156 404,3
Phú Yên	101 398	96 253	122 626	Chưa có số liệu	34 246,4
					316 508,1

(*) Niên giám Thống kê Y tế - Bộ Y tế

Nhóm các nhà tài trợ bao gồm các tổ chức thuộc Liên Hiệp quốc (Tổ chức Y tế Thế giới - WHO), tổ chức đa quốc gia (Quỹ Toàn cầu), các cơ quan chuyên môn kỹ thuật (Cơ quan Dự phòng và Kiểm soát dịch bệnh Hoa Kỳ- CDC, GiZ), các cơ quan hỗ trợ phát triển (DFID- Anh, NORAD-Na Uy), các ngân hàng (WB, ADB, Ngân hàng Tái thiết Đức - KfW), và các tổ chức Phi Chính phủ (Orbis, Alive and Thrive, Fred Hollows Foundation....)



Biểu đồ 2. Các nhà tài trợ nước ngoài về y tế tại 03 tỉnh, 2007 - 2010

Bảng 4. Các dự án VTNN theo nhóm các nhà tài trợ

Các nhóm tài trợ	Các cơ quan tài trợ	Kinh phí (triệu VND)	Kinh phí theo nhóm	Tỷ lệ góp vốn	Số dự án	Tỷ lệ dự án
Các tổ chức tài chính	WB (Thanh Hóa, Yên Bái)	29791,2	130607,2	41,3%	5	16,1%
	ADB (Thanh Hóa, Yên Bái)	9316,0				
	KfW	91500,0				
Các tổ chức chuyên môn	Quỹ Toàn cầu (2 dự án)	12805,0	13038,0	4,1%	3	9,7%
	WHO	233,0				
Hỗ trợ phát triển chính thức của các nước	DFID- NORAD-WB	7382,0	108331,0	34,2%	6	19,4%
	GiZ (Thanh Hóa, Phú Yên, Yên Bái)	50935,0				
	Phần Lan	45000,0				
	LIFEGAP	5014,0				
Các tổ chức phi Chính phủ	Hoa Kỳ: Orbis, The Marie Stopes Int'l, Alive and Thrive, Tâm nhìn Thế giới	18322,5	64532,0	20,4%	17	54,8%
	Hà Lan: UB Y tế Việt Nam - Hà Lan (MCNV)	2575,2				
	Đức: Christofel Blindel Mission (CBM)	771,0				
	úc: Fred Hollows Foundation (FHF), MBI và FHI	14362,5				
	Tây Ban Nha: Codespa, Anesvad	23134,5				
	Save The Children	3622,3				
	MSA/LVC	1744,0				
Tổng		316508,2	316508,2	100%	31	100%

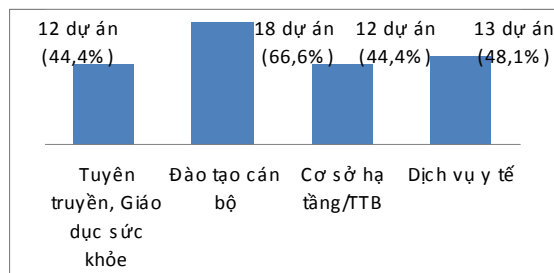
Các nhà tài trợ có thể tài trợ độc lập hoặc cùng liên kết trong 01 dự án như DFID – NORAD – WB trong dự án Phòng, chống lây nhiễm HIV ở Việt Nam tại Thanh Hóa hay MBI Australia và FHI Hoa Kỳ cùng tài trợ dự án Can thiệp giảm tác hại cho người nghiện chích ma túy và cải thiện chất lượng sống cho người có HIV tại Thanh Hóa. Theo Chương trình HTYT Việt Nam – Thụy Điển, trong thập kỷ 2001 – 2010, ADB và Hoa Kỳ liên tục tài trợ ở khu vực miền núi phía Bắc trong đó có tỉnh Yên Bái; ADB, WB, Hoa Kỳ và Đức tài trợ cho khu vực Bắc miền Trung trong đó có Thanh Hóa và Khu vực Nam miền Trung trong đó có Phú Yên là địa bàn quen thuộc của-MCNV. Các dự án ODA và các dự án do các ngân hàng tài trợ không nhiều chỉ là 6 và 5 dự án nhưng là các dự án lớn, thực hiện ở 2 hoặc cả 3 tỉnh, góp 34% và 41% tổng kinh phí cam kết trong toàn giai đoạn. Các dự án do các tổ chức PCPNN tài trợ tuy nhiều, 17 dự án, chiếm 54,8% tổng số dự án, nhưng tỷ lệ góp vốn chỉ đạt 20,4%.

Các lĩnh vực và nội dung hoạt động chính: 07 lĩnh vực tài trợ chính là Hỗ trợ hệ thống y tế, Phòng chống HIV/AIDS, Sức khỏe bà mẹ trẻ em, Phòng, chống bệnh về mắt, Y tế dự phòng, cơ sở hạ tầng y tế và Khám, chữa bệnh. Các dự án hỗ trợ hệ thống y tế thường bao gồm cả tăng cường chất lượng dịch vụ y tế (thuộc lĩnh vực Khám, chữa bệnh) và cung cấp trang thiết bị y tế (thuộc lĩnh vực cơ sở hạ tầng, trang thiết bị y tế). Cũng có dự án hỗ trợ hệ thống y tế quy mô nhỏ, tại cộng đồng như dự án Hỗ trợ hội y tế thôn bản của MCNV. Lĩnh vực cơ sở hạ tầng y tế: mua sắm trang thiết bị, xây dựng bệnh viện chiếm lượng vốn đầu tư lớn nhất (46,5%) tuy chỉ có 03 dự án. Các lĩnh vực chăm sóc bà mẹ trẻ em và phòng, chống HIV/AIDS, có nhiều dự án hơn nhưng tỷ lệ vốn tương ứng chỉ là 4,5% và 15,5%.

Bảng 5. Các lĩnh vực được tài trợ (*) Đơn vị: triệu VNĐ đồng

Lĩnh vực	Số dự án	Số vốn cam kết (*)	Tỷ lệ vốn cam kết
Hỗ trợ cơ sở hạ tầng y tế (3 tỉnh)	3	146895,0	46,5%
Hỗ trợ hệ thống y tế	3	52600,3	16,7%
Phòng, chống HIV/AIDS (2 tỉnh)	5	49065,2	15,5%
Phòng, chống bệnh về mắt	4	14320,6	4,5%
Hỗ trợ Y tế Dự phòng (2 tỉnh)	3	17024,5	5,4%
SKBMTE	7	14633,9	4,5%
Khám, chữa bệnh	2	21968,7	6,9%
Tổng	27	316508,2	100%

Các nội dung hoạt động chính là tuyên truyền, giáo dục sức khỏe, đào tạo cán bộ, hỗ trợ cơ sở hạ tầng y tế và cung cấp trang thiết bị, hỗ trợ chuyên môn y tế và cung cấp các dịch vụ y tế, kể cả ở các dự án có quy mô liên tỉnh và các dự án phi chính phủ quy mô nhỏ.



Biểu đồ 5. Những nội dung hoạt động chính

Bảng 6. Các dự án theo nội dung hoạt động chính

N/dung	Tên dự án
Tuyên truyền, giáo dục sức khỏe	Phòng, chống HIV/AIDS ở Việt Nam
	Phòng lây nhiễm HIV/AIDS tại Việt Nam
	Dự phòng và chăm sóc HIV/AIDS tại Việt Nam (LIFE GAP)
	Chăm sóc, tư vấn, hỗ trợ người nhiễm HIV/AIDS và phòng, chống HIV/AIDS dựa vào cộng đồng
	Can thiệp giảm tác hại cho người nghiện chích ma túy, cải thiện chất lượng cuộc sống cho người có HIV
	Phòng, chống HIV/AIDS tại Việt Nam
	Cải thiện dinh dưỡng trẻ em thông qua hành vi thực hành chăm sóc trẻ tốt hơn tại vùng núi phía Bắc
	Phát triển thị trường vệ sinh tỉnh Yên Bái
	Chương trình phát triển quản lý sức khỏe cộng đồng
	Chương trình phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng & Dự án phát hiện sớm, can thiệp sớm
Đào tạo cán bộ	Hỗ trợ phát triển hội y tế thôn bản
	Phòng, chống suy dinh dưỡng
	Hỗ trợ kỹ thuật tăng cường hệ thống y tế
	Chương trình phát triển sức khỏe cộng đồng
	Hỗ trợ phát triển y tế thôn bản
	Phòng, chống HIV/AIDS ở Việt Nam
	Phòng lây nhiễm HIV/AIDS ở Việt Nam
	Dự phòng chăm sóc HIV/AIDS tại Việt Nam
	Chăm sóc, tư vấn, hỗ trợ người nhiễm HIV/AIDS và phòng, chống HIV/AIDS dựa vào cộng đồng
	Can thiệp giảm tác hại cho người nghiện chích ma túy, cải thiện chất lượng cuộc sống cho người có HIV
Cung cấp Trang thiết bị y tế/hỗ trợ xây dựng	Chăm sóc, cứu sống trẻ sơ sinh
	Dự án cải thiện dinh dưỡng và phát triển
	Phòng, chống suy dinh dưỡng
	Chăm sóc mắt toàn diện
	Phòng, chống bệnh mắt hột
	Chăm sóc mắt toàn diện
	Nâng cao chất lượng dịch vụ chăm sóc mắt
	Hỗ trợ phát triển hệ thống y tế dự phòng
	Phòng, chống sốt rét
	Phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng – Phát hiện sớm, can thiệp sớm
Cung cấp Trang thiết bị y tế/hỗ trợ xây dựng	Chương trình phát triển sức khỏe cộng đồng
	Dự án xây dựng bệnh viện mắt
	Dự án thiết bị y tế
	Nâng cấp TTB cho BVĐK Nghĩa Lộ, Văn Chấn, Văn Yên, Lục Yên
	Hỗ trợ thực hành dinh dưỡng cho bà mẹ trẻ em
Phòng, chống suy dinh dưỡng	

Cơ sở hạ tầng y tế	Chăm sóc mắt toàn diện
	Phòng, chống bệnh mắt hột
	Nâng cao chất lượng dịch vụ chăm sóc mắt
	Hỗ trợ phát triển hệ thống y tế dự phòng
	Phòng, chống sốt rét
Cung cấp dịch vụ y tế/ hỗ trợ chuyên môn y tế	Phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng – Phát hiện sớm, can thiệp sớm
	Hỗ trợ kỹ thuật tăng cường hệ thống y tế
	Hỗ trợ phát triển hội y tế thôn bản
	Chương trình phát triển sức khỏe cộng đồng
	Dự phòng chăm sóc HIV/AIDS tại Việt Nam
	Chăm sóc, tư vấn, hỗ trợ người nhiễm HIV/AIDS và phòng, chống HIV/AIDS dựa vào cộng đồng
	Can thiệp giảm tác hại cho người nghiện chích ma túy, cải thiện chất lượng cuộc sống cho người có HIV
	Phòng, chống suy dinh dưỡng
	Tăng cường tính sẵn có của BCS, quản lý và điều trị STIs
	Thúc đẩy cung cấp và sử dụng các biện pháp tránh thai lâu dài và vĩnh viễn, hiệu quả đối với cộng đồng
	Chăm sóc mắt toàn diện
	Nâng cao chất lượng dịch vụ chăm sóc mắt
	Phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng – Phát hiện sớm, can thiệp sớm
	Nâng cao chất lượng công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu

18/31 dự án có hoạt động đào tạo cán bộ, 13/31 dự án hỗ trợ chuyên môn kỹ thuật, cung cấp dịch vụ y tế, 12/31 dự án có tuyên truyền, giáo dục sức khỏe, 12/31 dự án hỗ trợ cơ sở hạ tầng y tế, cung cấp trang thiết bị và phát triển cơ sở hạ tầng. Việc chú trọng đào tạo cán bộ và hỗ trợ chuyên môn, kỹ thuật nói lên các dự án VTNN giai đoạn này mang tính hỗ trợ chuyển giao kiến thức và kỹ năng, không còn là hỗ trợ vật chất đơn thuần dành cho các nước nghèo. Các hoạt động tuyên truyền, giáo dục sức khỏe có ở 40 – 50% các dự án, cho thấy công tác dự phòng rất được các nhà tài trợ quan tâm.

$$\text{Kinh phí g/đoạn 2007 – 2010} = \frac{\text{Kinh phí cam kết cho toàn dự án}}{\text{Năm thực hiện dự án}} \times \text{số năm dự án g/đ 2007 – 2010}$$

Con số này chỉ có giá trị ước lượng, so sánh và đối chiếu, không cho biết tình hình giải ngân thực tế qua các năm. Số lượng các dự án viện trợ năm 2010 tuy có tăng so với năm 2001 khoảng 42% nhưng lại giảm so với năm 2005. Các địa phương cần tăng cường sử dụng hiệu quả hỗ trợ từ dự án VTNN cho y tế, tích cực thu hút VTNN tại địa phương vì có thể khi Việt Nam trở thành nước có thu nhập trung bình, nhiều nhà tài trợ sẽ chuyển hướng ưu tiên sang các quốc gia nghèo hơn.

KẾT LUẬN

VTNN đóng góp một phần đáng kể cho y tế địa phương. 80% số vốn cam kết qua các dự án lớn do Bộ Y tế quản lý, còn lại là từ các dự án PCPNN đầu tư trực tiếp tại địa phương, Bộ Y tế còn thiếu thông tin về nhóm dự án này. Việc thông tin định kỳ và đầy đủ về các dự án VTNN tại địa phương là có ích và cần thiết trong quá trình làm việc với các nhà tài trợ, kêu gọi và

BÀN LUẬN

Các dự án VTNN về y tế ở các tỉnh đóng góp một phần đáng kể cho y tế địa phương. Các lĩnh vực tài trợ phù hợp với các ưu tiên về vận động ODA và vận động viện trợ PCPNN tại Nghị định 131/2006/NĐ-CP ngày 9/11/2006, Nghị định số 93/2009/NĐ-CP ngày 22/10/2009 và Quyết định số 286/2006/QĐ- TTg của Thủ tướng Chính phủ. Các dự án lớn thường do Bộ Y tế phân bổ, chiếm khoảng 80% kinh phí cam kết. Các dự án PCPNN thường do nhà tài trợ đầu tư trực tiếp tại địa phương, có quy mô nhỏ, số lượng dự án tuy nhiều nhưng chỉ chiếm 20% tổng số vốn. Nhóm các nhà tài trợ ở địa phương bao gồm các Ngân hàng, các cơ quan hợp tác phát triển các nước, các cơ quan chuyên môn quốc tế, các tổ chức PCPNN. Các Ngân hàng WB, ADB, Hoa Kỳ và các nước Châu Âu: Hà Lan, Anh, Đức là các nhà tài trợ lớn. Trong một số lĩnh vực được quan tâm, các nhà tài trợ cũng có xu hướng cùng liên kết tài trợ. Nội dung hoạt động chính của các dự án thể hiện việc hỗ trợ chuyển giao kiến thức, kinh nghiệm chuyên môn, đào tạo đội ngũ cán bộ cùng với công tác tuyên truyền bảo vệ sức khỏe người dân được chú trọng, song song với hỗ trợ cơ sở hạ tầng y tế.

Việc tiếp cận thông tin về các dự án VTNN và chất lượng thông tin về các dự án không đồng đều ở các tỉnh. Mẫu điều tra ban đầu được viết nhằm phỏng vấn các cá nhân nhưng do yêu cầu về các số liệu của dự án cần phải được tiếp nhận, xử lý và báo cáo theo kênh thông tin chính thức nên mẫu điều tra được dùng để thảo luận nhóm và thông tin về dự án, báo cáo dự án, kiến nghị, đề xuất là các số liệu chính thức do các Sở Y tế cung cấp. Kinh phí dành cho các dự án và toàn giai đoạn được ước lượng thông qua tổng kinh phí cam kết cho toàn dự án, kinh phí cam kết qua từng năm và số năm thực hiện dự án trong giai đoạn 2007 – 2010.

điều phối viện trợ nước ngoài trong lĩnh vực y tế. Thông tin về tình hình các dự án đã có sẵn trong các báo cáo dự án định kỳ ở địa phương, cơ quan quản lý nhà nước tại Bộ Y tế cần có cơ chế thu thập thông tin, nhất là về các dự án PCPNN, trực tiếp từ cơ quan quản lý dự án các tỉnh hoặc phối hợp với Liên hiệp các tổ chức Hữu nghị tỉnh, và từ các nhà tài trợ.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Các Nghị định số 131/2006/NĐ-CP ngày 9/11/2006 của Chính phủ về Quản lý và sử dụng ODA; Nghị định số 93/2009/NĐ-CP ngày 22/10/2009 của Chính phủ Ban hành Quy chế Quản lý và Sử dụng viện trợ PCPNN; Quyết định số 286/2006/QĐ- TTg của Thủ tướng Chính phủ, về việc ban hành Chương trình Quốc gia xúc tiến vận động viện trợ PCPNN 2006 - 2010

2. Quyết định số 340-TTg ngày 24/5/1996 của

Thủ tướng Chính phủ ban hành quy chế hoạt động của các Tổ chức Phi Chính phủ nước ngoài ở Việt Nam

3. Bộ Y tế - Chương trình Hợp tác y tế Việt Nam Thụy Điển: Bảng thống kê các chương trình/dự án triển khai trong ngành y tế giai đoạn 2001 – 2005

4. Đánh giá giữa kỳ tình hình thu hút và sử dụng nguồn vốn ODA thời kỳ 2006 – 2010. Bản tin ODA số 32 – 31/5/2009. Bộ Kế hoạch và Đầu tư

5. Quản lý Nhà nước về ODA; Tổng quan ODA ở Việt Nam 15 năm 1993 – 2008 Trang tin điện tử Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

6. Trang tin điện tử Liên hiệp Các tổ chức Hữu nghị Việt Nam

7. Niên giám thống kê y tế năm 2007, 2008, 2009, Bộ Y tế

8. Cổng thông tin điện tử các tỉnh Yên Bái, Thanh Hóa, Phú Yên